

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.D	2.A	3.C	4.C	5.D	6.D	7.B	8.A	9.C	10.D
11.B	12.B	13.A	14.D	15.A	16.D	17.D	18.C		

Câu 1: Tỉnh nào sau đây giáp cả Lào và Trung Quốc?

- A.** Sơn La. **B.** Lai Châu. **C.** Lào Cai. **D.** Điện Biên.

Câu 1 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vị trí địa lí nước ta hoặc dựa vào bản đồ hành chính Việt Nam/bản đồ kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Điện Biên là tỉnh giáp cả Lào và Trung Quốc.

Chọn D.

Câu 2: Đất trồng ở đồng bằng nước ta bị bạc màu do

- A.** khai thác quá mức. **B.** bón phân hữu cơ. **C.** sản xuất luân canh. **D.** trồng trọt xen canh.

Câu 2 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào vấn đề sử dụng tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên đất).

Cách giải:

Đất trồng ở đồng bằng nước ta bị bạc màu do khai thác quá mức.

B, C, D sai vì đó không phải là các nguyên nhân gây suy giảm tài nguyên đất ở nước ta.

Chọn A.

Câu 3: Đô thị nước ta có

- A.** số lượng tăng nhanh ở vùng biển. **B.** sự phân bố đều khắp ở các vùng.
C. tỉ lệ dân cư nhỏ hơn ở nông thôn. **D.** các thành phố rất lớn và cực lớn.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm đô thị hóa ở nước ta.

Cách giải:

Đô thị nước ta có tỉ lệ dân cư nhỏ hơn ở nông thôn. Năm 2021, tỉ lệ dân thành thị của nước ta là 37,1%; tỉ lệ dân nông thôn và 62,9%.

A, B, D sai vì đô thị ở nước ta phân bố không đều, số lượng đô thị tăng, chủ yếu là các đô thị vừa và nhỏ, số ít là các đô thị lớn (không có đô thị rất lớn và cực lớn).

Chọn C.

Câu 4: Tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp chủ yếu do

- A.** lao động nông thôn đông, qua đào tạo ít. **B.** dân số ở các đô thị còn ít hơn nông thôn.
C. cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chậm. **D.** trình độ đô thị hoá còn thấp, sức hút yếu.

Câu 4 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm lao động ở nước ta.

Cách giải:

Cơ cấu phân theo ngành kinh tế (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp; dịch vụ) còn chuyển dịch chậm. Trong đó, các đô thị lại phát triển chủ yếu ngành công nghiệp và dịch vụ nên đô thị phát triển chưa đủ nhanh để tạo nhiều việc làm cho người lao động => tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp.

A, B sai vì đây là đặc điểm đô thị, không phải là nguyên nhân.

D sai vì đô thị ở nước ta có sức hút lớn, tuy nhiên do cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch chậm nên tỉ lệ lao động ở đô thị nước ta hiện nay còn thấp.

Chọn C.

Câu 5: Cây công nghiệp nhiệt đới ở nước ta là

- A.** lúa. **B.** sầu riêng. **C.** chè. **D.** cà phê.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành trồng cây công nghiệp ở nước ta (phần ngành nông nghiệp).

Cách giải:

Cây công nghiệp nhiệt đới ở nước ta là cà phê.

A sai vì lúa là cây lương thực.

B sai vì sầu riêng là cây ăn quả.

C sai vì chè là cây công nghiệp cận nhiệt.

Chọn D.

Câu 6: Khó khăn chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở miền núi nước ta là

- A. tài nguyên nhỏ bé.
- B. có nhiều thiên tai.
- C. thiếu nhiều lao động.
- D. giao thông trở ngại.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành công nghiệp ở nước ta kết hợp với những hạn chế ở miền núi.

Cách giải:

Khó khăn chủ yếu đối với phát triển công nghiệp ở miền núi nước ta là giao thông trở ngại. Địa hình miền núi nước ta hiểm trở, chia cắt mạnh, gây khó khăn cho việc xây dựng và phát triển hệ thống giao thông. Việc vận chuyển nguyên liệu, máy móc và sản phẩm công nghiệp trở nên khó khăn và tốn kém. Điều này làm giảm tính cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp và hạn chế sự phát triển của ngành công nghiệp ở miền núi.

A sai vì miền núi nước ta là nơi có nhiều tài nguyên khoáng sản.

B sai vì nhiều thiên tai là hạn chế chủ yếu đối với ngành nông nghiệp.

C sai vì miền núi là nơi có nhiều lao động tại chỗ.

Chọn D.

Câu 7: Ngành bưu chính nước ta hiện nay

- A. chỉ tập trung cho hoạt động công ích.
- B. có mạng lưới rộng khắp ở các vùng.
- C. đã tự động tất cả các khâu hoạt động.
- D. có phần lớn là lao động trình độ cao.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành bưu chính viễn thông nước ta hiện nay.

Cách giải:9

Ngành bưu chính nước ta hiện nay có mạng lưới rộng khắp ở các vùng. Ngành bưu chính nước ta đã xây dựng được mạng lưới rộng khắp, từ thành thị đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đảm bảo phục vụ nhu cầu liên lạc và vận chuyển hàng hóa của người dân trên cả nước.

Chọn B.

Câu 8: Hoạt động du lịch biển - đảo của nước ta hiện nay

- A. khách du lịch tăng nhanh.
- B. chỉ diễn ra trong mùa hè.
- C. phân bố đều khắp cả nước.
- D. tập trung chủ yếu ở miền Bắc.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành du lịch nước ta hiện nay.

Cách giải:

Hoạt động du lịch biển - đảo của nước ta hiện nay có lượng khách du lịch tăng nhanh. Khách du lịch nước ta tăng từ 2,3 triệu khách (năm 2000) lên 10,0 triệu khách (năm 2022).

Chọn A.

Câu 9: Cây rau thực phẩm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ

- A. là cây thể mạnh của vùng, diện tích ngày càng tăng.
- B. phát triển mạnh chỉ sau Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. có diện tích lớn, mở rộng nhiều ở vùng quanh đô thị.
- D. phát triển vùng chuyên canh rộng khắp tại các tỉnh.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

Cây rau thực phẩm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích lớn, mở rộng nhiều ở vùng quanh đô thị.

- Trung du và miền núi Bắc Bộ có diện tích đất đai rộng lớn, khí hậu mát mẻ, phù hợp cho việc trồng nhiều loại rau thực phẩm.
- Việc mở rộng diện tích trồng rau thực phẩm tập trung nhiều ở các vùng quanh đô thị để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người dân.

Chọn C.

Câu 10: Loại đất chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. đất cát biển.
- B. đất xám trên phù sa cổ.
- C. đất feralit trên đá vôi.
- D. đất phù sa sông.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thể mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Loại đất chiếm tỉ lệ diện tích lớn nhất vùng Đồng bằng sông Hồng là đất phù sa sông.

Chọn D.

Câu 11: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu đối với sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Môi trường ô nhiễm, chất lượng nước kém. B. Thị trường không ổn định, bị cạnh tranh.
C. Biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng lên. D. Nguồn vốn đầu tư nhỏ, kĩ thuật ít cải tiến.

Câu 11 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Thị trường không ổn định, bị cạnh tranh là khó khăn chủ yếu đối với sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

- Giá muối bấp bênh: Người dân sản xuất muối chủ yếu theo phương pháp truyền thống, sản lượng lớn nhưng giá bán thấp, dễ bị thương lái ép giá.

- Cạnh tranh với muối nhập khẩu: Việt Nam phải nhập khẩu muối công nghiệp với chất lượng cao hơn, làm ảnh hưởng đến đầu ra của muối trong nước.

Chọn B.

Câu 12: Địa điểm du lịch nào sau đây ở Thành phố Hồ Chí Minh?

- A. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài. B. Khu rừng Sác Cần Giờ.
C. Biển Long Hải. D. Núi Bà Đen.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ngành du lịch ở Đông Nam Bộ.

Cách giải:

Khu rừng Sác Cần Giờ ở Thành phố Hồ Chí Minh.

A, D sai vì cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, núi Bà Đen ở Tây Ninh.

C sai vì biển Long Hải ở Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chọn B.

Câu 13: Nước ta trong năm có hai mùa mưa và khô chủ yếu do

- A. nằm trong khu vực gió mùa châu Á. B. vị trí địa lí tiếp giáp với Biển Đông.
C. hoạt động của các loại gió mùa hạ. D. ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

Cách giải:

Nước ta trong năm có hai mùa mưa và khô chủ yếu do nằm trong khu vực gió mùa châu Á.

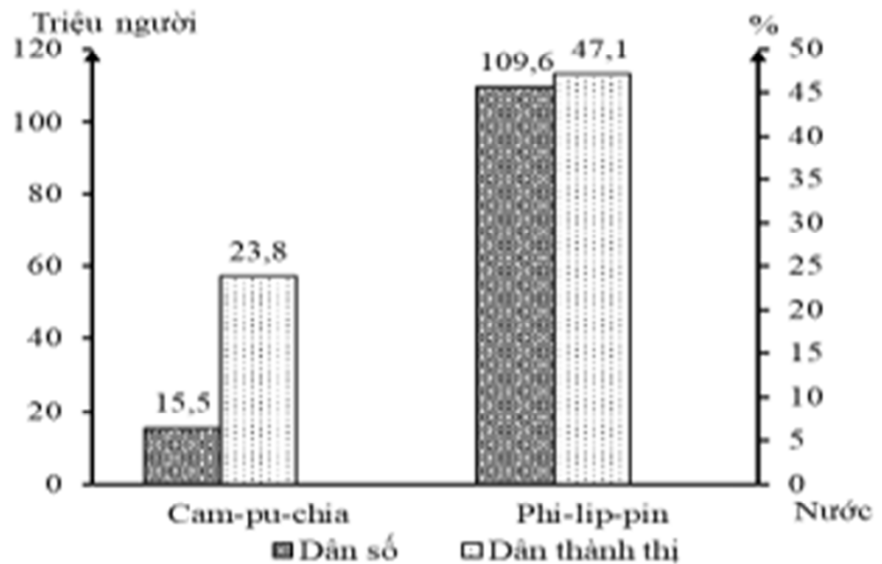
- Tháng 5 đến tháng 10: thời kì hoạt động của gió mùa mùa hạ => Mùa mưa.

- Tháng 11 đến tháng 4 năm sau: thời kì hoạt động của gió mùa mùa đông => Mùa khô.

Chọn A.

Câu 14: Cho biểu đồ:

INCLUDEPICTURE "https://video.vietjack.com/upload2/quiz_source1/2024/06/blobid0-1717919879.png"



* MERGEFORMATINET

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA CAM-PU-CHIA VÀ PHI-LIP-PIN NĂM 2020

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Nhận xét nào đúng với biểu đồ trên?

- A. Tỷ lệ dân thành thị năm 2020 của Cam-pu-chia gấp đôi Phi-líp-pin.
- B. Năm 2020, số dân của Phi-líp-pin ít hơn Cam-pu-chia.
- C. Tỷ lệ dân thành thị năm 2020 của Phi-líp-pin thấp hơn Cam-pu-chia.
- D. Số dân của Cam-pu-chia ít hơn Phi-líp-pin năm 2020.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Xác định số dân, tỉ lệ dân thành thị của Cam-pu-chia và Phi-líp-pin năm 2020 và lựa chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

Đúng vì năm 2020,

- Cam-pu-chia là, dân số của là 109,6 triệu người.

+ Số dân là: 15,5 triệu người

+ Tỷ lệ dân thành thị là: 23,8%

- Phi-lip-pin:

+ Số dân là: 109,6 triệu người.

+ Tỷ lệ dân thành thị là: 47,1%

=> Số dân của Cam-pu-chia ít hơn Phi-lip-pin năm 2020 là nhận xét đúng.

Chọn D.1

Câu 15: Hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu là do

A. kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng sống nâng cao.

B. đẩy mạnh liên kết nước ngoài, nhu cầu tiêu dùng tăng.

C. thị trường được mở rộng, nhiều thành phần tham gia.

D. hội nhập quốc tế sâu rộng, đất nước có nhiều đổi mới.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại nước ta và nguyên nhân giúp ngành này phát triển mạnh

Cách giải:

Hoạt động thương mại ở nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu là do kinh tế tăng trưởng nhanh, chất lượng sống nâng cao, dẫn đến:

- Nhu cầu tiêu dùng tăng cao: Khi thu nhập bình quân đầu người tăng, người dân chi tiêu nhiều hơn vào hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy thương mại phát triển.

- Sự mở rộng của thị trường nội địa: Kinh tế phát triển giúp các doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh, phát triển hệ thống bán lẻ, thương mại điện tử. Bên cạnh đó, kinh tế phát triển giúp hoạt động sản xuất hàng hóa được đẩy mạnh, đáp ứng nhu cầu người dân.

- Cơ sở hạ tầng thương mại được đầu tư mạnh: Nhiều trung tâm thương mại, siêu thị, chợ, sàn thương mại điện tử phát triển mạnh, đáp ứng nhu cầu mua sắm của người dân.

Chọn A.

Câu 16: Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp là

A. có mật độ sông ngòi khá cao.

B. vùng biển rộng, giàu nguồn lợi.

C. có một số nguồn nước khoáng.

D. rừng tự nhiên có diện tích lớn.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Thế mạnh để Bắc Trung Bộ phát triển lâm nghiệp là rừng tự nhiên có diện tích lớn. Điều này tạo nên nguồn tài nguyên phong phú, là cơ sở vững chắc cho việc phát triển ngành lâm nghiệp, bảo vệ môi

trường và duy trì đa dạng sinh học.

Chọn D.

Câu 17: Sông ngòi ở Tây Nguyên có lưu lượng dòng chảy trong mùa cạn rất nhỏ do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Địa hình bằng phẳng, sông chảy ra biển bằng nhiều chi lưu.
- B. Phần lớn sông ngòi nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.
- C. Phần lớn sông ngòi của khu vực đều ngắn, độ dốc lớn.
- D. Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

Câu 17 (VD):

Phương pháp:

- Gạch chân từ khóa: mùa cạn.
- Cần hiểu: nguồn cung cấp nước cho sông ngòi nước ta là nước mưa.
- Dựa vào đặc điểm sông ngòi, khí hậu Tây Nguyên.

Cách giải:

Sông ngòi ở Tây Nguyên có lưu lượng dòng chảy trong mùa cạn rất nhỏ do ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.

- Mùa khô kéo dài, sâu sắc (từ tháng 11 đến tháng 4), lượng mưa gần như không đáng kể, khiến các sông suối không được bổ sung nước.
- Nhiệt độ cao, bốc hơi mạnh, làm giảm đáng kể lượng nước trong sông ngòi.**12**
- Sông ngòi chủ yếu là sông nhỏ, bắt nguồn từ vùng núi cao, nên khi mùa khô đến, nguồn nước nhanh chóng suy giảm.

Chọn D.

Câu 18: Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long là điều kiện thuận lợi chủ yếu để

- A. phát triển nhiều ngành sản xuất, nhất là trồng trọt.
- B. xây dựng các vùng quy hoạch sản xuất thực phẩm.
- C. cung cấp nước cho nông nghiệp và nuôi thủy sản.
- D. mở rộng chăn nuôi gia cầm, đặc biệt là đàn gà, vịt.

Câu 18 (VD):

Phương pháp:

Liên hệ những thuận lợi của sông ngòi đối với sản xuất nông nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Đồng bằng sông Cửu Long có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, tạo điều kiện thuận lợi

chủ yếu cho:

- Cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa – cây trồng chủ lực của vùng.
 - Phát triển nuôi trồng thủy sản, nhất là cá tra, cá basa, tôm nước lợ – ngành kinh tế quan trọng của khu vực.
 - Bồi đắp phù sa, giúp đất đai màu mỡ, nâng cao năng suất cây trồng.
 - Thuận lợi cho giao thông đường thủy, giúp vận chuyển hàng hóa, nông sản dễ dàng hơn.
- => Mạng lưới sông ngòi, kênh rạch dày đặc ở Đồng bằng sông Cửu Long là điều kiện thuận lợi chủ yếu để cung cấp nước cho nông nghiệp và nuôi thủy sản.

Chọn C.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), **d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	ĐSĐS	ĐĐĐĐ	SĐĐĐ	SĐSĐ

Câu 1: Cho thông tin sau:

Địa hình đa dạng, đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng của các dãy núi theo hướng vòng cung, cao ở phía bắc, thấp dần về phía nam. Đồng bằng tương đối rộng và bằng phẳng. Địa hình caxtơ khá phổ biến, tiêu biểu ở Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn... Bờ biển đa dạng: nơi thấp phẳng, nơi nhiều vịnh, đảo như vùng biển tỉnh Quảng Ninh.

- a)** Địa hình của miền có nhiều thuận lợi cho phát triển ngành du lịch.
- b)** Đây là đặc điểm của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở nước ta.
- c)** Địa hình thấp, hướng núi vòng cung là điều kiện khiến cho gió mùa Đông Bắc lấn sâu vào lãnh thổ nước ta.
- d)** Các cánh cung tạo bức chắn địa hình với gió mùa Đông Nam gây nên khô hạn kéo dài cho các vùng khuất gió.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

- a)** Dựa vào đoạn thông tin.
- b)** Dựa vào các từ khóa: đồi núi thấp chiếm ưu thế, dãy núi theo hướng vòng cung, Địa hình caxtơ khá phổ biến, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh để xác định là miền địa lí tự nhiên nào.
- c, d)** Dựa vào các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự hoạt động của gió mùa Đông Bắc, gió mùa Đông Nam trong vùng.

Cách giải:

- a)** Đúng. Địa hình đa dạng với đồi núi, đồng bằng, địa hình caxtơ và bờ biển đa dạng tạo ra nhiều

cảnh quan đẹp, thu hút du khách.

- b) Sai.** Đây là đặc điểm của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.
- c) Đúng.** Hướng vòng cung của các dãy núi tạo điều kiện cho gió mùa Đông Bắc xâm nhập sâu vào lãnh thổ.
- d) Sai.** Các cánh cung ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chủ yếu ảnh hưởng đến gió mùa Đông Bắc, không phải gió mùa Đông Nam.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, ngành dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường. Ngành này không chỉ tạo ra nhiều việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn thúc đẩy tiêu dùng bền vững. Hơn nữa, các dịch vụ thân thiện với môi trường giúp tối ưu hóa tài nguyên, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

- a) Sự phát triển ngành dịch vụ tác động tích cực đến việc sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.**
- b) Sự phát triển ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn.**
- c) Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu GDP cả nước.**
- d) Ngành dịch vụ góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.**

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và vai trò của ngành dịch vụ nước ta.

Cách giải:

- a) Đúng.** Đoạn thông tin có đề cập: “các dịch vụ thân thiện với môi trường giúp tối ưu hóa tài nguyên, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.”
- b) Đúng.** Ngành dịch vụ hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ cần thiết cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp và nông thôn phát triển.
- c) Đúng.** Đoạn thông tin có đề cập: “ngành dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội”. Hơn nữa, ngành dịch vụ chiếm 41,2% trong cơ cấu GDP cả nước (năm 2021) – cao nhất trong 3 ngành kinh tế.
- d) Đúng.** Đoạn thông tin có đề cập: “Ngành này không chỉ tạo ra nhiều việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống”

Câu 3: Cho thông tin sau:

Tài nguyên du lịch của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) rất phong phú và độc đáo, thu hút khách du lịch cả trong và ngoài nước. Vùng này nổi bật với hệ thống sông ngòi chằng chịt, các

chợ nổi, và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Ngoài ra, ĐBSCL còn có nền văn hóa đa dạng với các lễ hội truyền thống, ẩm thực đặc sắc và di sản văn hóa dân gian phong phú. Những trải nghiệm này tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt cho du khách, giúp họ khám phá vẻ đẹp và bản sắc văn hóa của vùng đất này.

- a) Giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng chậm hơn sản lượng thủy sản khai thác.
- b) Hệ thống kênh, rạch chằng chịt và hệ sinh thái rừng ngập mặn tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo.
- c) Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện cơ cấu sản lượng thủy sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giai đoạn 2010-2021.
- d) Nghệ thuật Đờn ca tài tử Nam Bộ được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại.

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

- a) Dựa vào hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- b, d) Dựa vào đoạn thông tin kết hợp với ngành du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.
- c) Nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khóa: cơ cấu, giai đoạn 2010-2021.

Cách giải:

- a) Sai vì giai đoạn 2010 - 2021, sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác do vùng đẩy mạnh hoạt động nuôi trồng.
- b) Đúng. Đoạn thông tin cho thấy hệ thống sông ngòi chằng chịt và phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp là những đặc điểm nổi bật của du lịch Đồng bằng sông Cửu Long.
- c) Đúng. Biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu của đối tượng từ 4 năm trở lên.
- d) Đúng.

Câu 4: Cho bảng số liệu sau:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC HÀNG NĂM,
PHÂN THEO THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2000 – 2021**

(Đơn vị:%)

Khu vực	2000	2010	2015	2021
Nông thôn	76,9	71,7	68,8	63,3
Thành thị	23,1	28,3	31,2	36,7

(Nguồn: Niên giám thống kê các năm 2001, 2011, 2016, 2022)

- a) Để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm, phân theo thành thị và

nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 - 2021, biểu đồ đường là thích hợp nhất.

b) Tỷ lệ lao động khu vực thành thị tăng và chiếm tỉ trọng nhỏ.

c) Giai đoạn 2000 – 2021, tỉ lệ khu vực thành thị tăng nhanh do quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá.

d) Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn tăng liên tục.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a) Dựa vào dấu hiệu nhận diện biểu đồ qua các từ khóa: cơ cấu, giai đoạn 2000 - 2021

b, d) Dựa vào bảng số liệu.

c) Dựa vào bảng số liệu và nguyên nhân làm tăng tỉ lệ lao động khu vực thành thị, giảm tỉ lệ lao động khu vực nông thôn.

Cách giải:4

a) Sai vì để thể hiện cơ cấu lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc hàng năm, phân theo thành thị và nông thôn của nước ta, giai đoạn 2000 – 2021, biểu đồ miền là thích hợp nhất (biểu đồ miền là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu từ 4 năm trở lên)

b) Đúng.

c) Đúng vì tỉ lệ dân thành thị tăng do quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa.

d) Sai vì tỉ lệ lao động khu vực nông thôn giảm liên tục từ 76,9% (năm 2000) còn 63,3% (năm 2021)

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	27,9	12,8	25,8	14,4	11,9	41,4

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng tại Vũng Tàu, năm 2021

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	25,5	25,6	27,6	29,0	29,5	29,2	28,3	28,9	28,2	27,9	27,9	26,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Cho biết nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình năm 2021 tại Vũng Tàu là:

$$(25,5 + 25,6 + 27,6 + \dots + 26,7)/12 = 27,9^{\circ}\text{C}$$

Đáp án: 27,9

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình tháng 1 và tháng 7 tại Hà Nội

(Đơn vị: °C)

Địa điểm	Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7
Hà Nội	16,6	29,4

(Nguồn: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng - QCVN 02-2021/BXD)

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của °C)

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Biên độ nhiệt năm = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt trung bình năm của Hà Nội là: $29,4 - 16,6 = 12,8^{\circ}\text{C}$

Đáp án: 12,8

Câu 3: Cho bảng số liệu:

Tổng số dân và số dân thành thị của nước ta, giai đoạn 2018 - 2021

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2018	2019	2020	2021
Tổng số dân	95385,2	96484,0	97582,7	98506,2
Số dân thành thị	32636,9	33816,6	35867,2	36564,7

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ trọng dân thành thị của nước ta năm 2021 ít hơn tỉ lệ dân nông thôn bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

Tỉ lệ dân thành thị của nước ta năm 2021 là: $(36564/98506,2) * 100 = 37,1\%$

Tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là: $100 - 37,1 = 62,9\%$

Tỉ trọng dân thành thị của nước ta năm 2021 ít hơn tỉ lệ dân nông thôn: $62,9 - 37,1 = 25,8\%$

Đáp án: 25,8

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ Ở NƯỚC TA
NĂM 2010 VÀ 2021**

(Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2010	2021
Khu vực kinh tế Nhà nước	636,5	846,7
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	843,6	4 481,2
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1 565,5	7 698,8
Tổng	3 045,6	13 026,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)

Tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 4 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào công thức:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần}/\text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

So với năm 2010, tỉ trọng giá trị sản xuất của khu vực kinh tế Nhà nước năm 2021 đã giảm:

$$[(636,5/3 045,6) * 100] - [(846,7/13 026,8) * 100] = 14,4\%$$

Đáp án: 14,4

Câu 5: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng các vụ lúa ở nước ta, năm 2021

Vụ lúa	Diện tích (Nghìn ha)	Sản lượng (Nghìn tấn)
Đông xuân	3 006,84	20 628,76
Hè thu và thu đông	2 673,49	15 163,48
Mùa	1 585,8	8 055,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết năng suất lúa vụ hè thu và thu đông năm 2021 của nước ta thấp hơn vụ đông xuân bao nhiêu tạ/ha? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Tính năng suất lúa vụ hè thu và thu đông, đông xuân năm 2021 theo công thức:

Năng suất = Sản lượng/Diện tích.

Cách giải:

Năng suất lúa vụ hè thu và thu đông năm 2021 của nước ta thấp hơn vụ đông xuân:

$(20\ 628,76/3\ 006,84) - (15\ 163,48/2\ 673,49) = 1,19\ \text{tấn/ha} = 11,9\ \text{tạ/ha}$

Đáp án: 11,9

Câu 6: Tính đến năm 2021, tổng diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta là 3 835,4 ha. Khu công nghệ cao Hòa Lạc có diện tích là 1 586 ha. Cho biết Khu công nghệ cao Hòa Lạc chiếm bao nhiêu % diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Khu công nghệ cao Hòa Lạc chiếm: $(1\ 586/3\ 835,4)*100 = 41,4\%$ diện tích các Khu công nghệ cao của nước ta.

Đáp án: 41,4

----- HẾT -----